TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **296**/2023/DS-PT Ngày 11-9-2023 V/v *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 216/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông Lê Bá Ngọc T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số nhà A, thôn C, xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**** Bị đơn***: Bà Bùi Thị H; chị Lê Thị Hoài T1; chị Lê Thị Bích T2; anh Lê Tuấn V và anh Lê Tuấn Đ.

Do chị Lê Thị Hoài T1 đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (*theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2017)*

Địa chỉ: Số nhà D Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Bùi Thị H1; Địa chỉ: C T, TT. Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị H2; Địa chỉ: TDP B, TT. Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà H2 là bà Nguyễn Thị Thúy

Địa chỉ: Số nhà H, thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị H và bà Huỳnh Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Lê Bá Ngọc T trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2013 ông T có cho ông Lê Tuấn T3 vay số tiền là 353.600.000đ, mục đích vay để xây trường học, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng, không ghi giấy vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần báo trước một thời gian ông T3 sẽ trả. Khi cần tiền và yêu cầu ông T3 trả nợ thì ông T3 có viết cho ông T 01 giấy hẹn trả nợ vào ngày 30/12/2014. Tuy nhiên đến hạn trên ông T3 không trả và đến ngày 12/12/2015 thì ông T3 chết không để lại di chúc.

Nay ông T yêu cầu các đồng thừa kế, thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Bùi Thị H vợ của ông T3 và bà Lê Thị Hoài T1, bà Lê Thị Bích T2, ông Lê Tuấn V và ông Lê Tuấn Đ là con của ông T3 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc 353.600.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình Tòa án giải quyết các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất cho bà Bùi Thị H đứng tên tất cả tài sản ông T3 để lại, đồng thời bà H đã tặng cho và chuyển nhượng cho người khác các khối tài sản ông T3 để lại nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với ông T, vì vậy ông T đề nghị Tòa án tuyên giao dịch: hợp đồng tặng cho giữa bà Bùi Thị H với bà Bùi Thị H1 và hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Bùi Thị H1 với bà Huỳnh Thị H2 đối với thửa đất 304 và 305, tờ bản đồ 11, đất tọa lạc tại xã C, huyện C là vô hiệu.

**** Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Lê Thị Hoài T1 trình bày:***

Về mối quan hệ giữa gia đình bà T1 và ông Lê Bá Ngọc T chỉ là chỗ quan hệ quen biết, không có họ hàng hay mẫu thuẫn gì với nhau. Khi bố bà T1 là ông Lê Tuấn T3 còn sống thì giữa ông T3 và ông T cũng rất thân nhau. Tuy nhiên, trong thời gian năm 2013 ông T3 có vay tiền của ông T hay không thì gia đình không biết.

Nay ông Lê Bá Ngọc T khởi kiện yêu cầu các đồng thừa kế thứ nhất gồm vợ ông T3 là bà Bùi Thị H và các con ông T3 là Lê Thị Hoài T1, Lê Thị Bích T2, Lê Tuấn V và Lê Tuấn Đ phải trả số nợ ông Lê Tuấn T3 đã vay là 353.600.000đ. Thì bà T1 xin đứng ra nhận trách nhiệm trả khoản tiền nợ này, bà H (vợ ông T3) và các con ông T3 không liên quan gì đến. Nếu ông T không đồng ý để tôi trả nợ đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa bà Bùi Thị H với bà Bùi Thị H1 và hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Bùi Thị H1 với bà Huỳnh Thị H2 đối với thửa đất 304 và 305, tờ bản đồ 11, đất tọa lạc tại xã C, huyện C là vô hiệu,

thì bà T1 không đồng ý, vì việc giao dịch giữa các bên đã thực hiện xong và giao dịch giữa họ là đúng quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 trình bày:***

Bà H1 và bà Bùi Thị H có quan hệ là chị em ruột, vào ngày 30/01/2019 bà H tặng cho bà H1 thửa đất 304, 305 tờ bản đồ 11 và thửa 125 tờ bản đồ 12. Một thời gian sau bà H cho bà H1 đứng ra vay tiền để đầu tư nhưng bà H1 không chịu nên theo yêu cầu của bà H vào ngày 05/02/2021 bà H1 đã chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên cho bà Huỳnh Thị H2. Việc nhận tặng cho từ bà H1 và chuyển nhượng lại cho bà H2 chỉ là hình thức, không phải là thực tế, tất cả các giao dịch là theo nguyện vọng của bà H, không có việc nhận tiền hay giao đất. Hiện nay bà H1 không còn liên quan gì đến 03 thửa đất nói trên, vì lý do bận công việc cá nhân nên bà H1 xin từ chối tham gia tố tụng tại tòa, đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 do bà Nguyễn Thị T4 trình bày:***

Vào ngày 05/02/2021 bà Huỳnh Thị H2 nhận chuyển nhượng từ bà Bùi Thị H1 05 thửa đất, trong đó có thửa đất 304 tờ bản đồ 11, diện tích 1.030m2 và 305 tờ bản đồ 11, diện tích 560m^2 tọa lạc tại xã C, huyện C. Hợp đồng chuyển nhượng đảm bảo về mặt pháp lý cả về hình thức cũng như nội dung hợp đồng. Bà H2 đã giao đủ tiền sang nhượng theo thỏa thuận và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cập nhật thay đổi chủ sử dụng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ký kết hợp đồng bên chuyển nhượng đã bàn giao quyền sử dụng đất các thửa đất cho bà H2, bà H2 đã tiến hành đổ đất trên thửa số 304 và trồng cây ăn trái, chuối, bơ, bắp, mì trên thửa đất 305. Hiện bà H2 đang quản lý các thửa đất này, không tranh chấp với ai. Tại thời điểm làm thủ tục sang nhượng các thửa đất này cũng không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn hay kê biên, đủ điều kiện chuyển nhượng, bà H2 cũng không biết về việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, vì vậy việc bà H2 nhận chuyển nhượng là ngay tình và hợp pháp.

Đối với việc nguyên đơn khởi kiện các đồng thừa kế của ông T3 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì không liên quan đến bà H2. Đối với yêu cầu tuyên bố các giao dịch trên vô hiệu là không có căn cứ, do đó bà H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476; Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 637, Điều 638, Điều 639 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 131, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 2, Điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá Ngọc T.

1. Buộc bà Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Bá Ngọc T khoản tiền nợ là 626.579.000 đồng (trong đó tiền gốc là **353.600.000** đồng và lãi suất là 272.979.000 đồng).

Bà Bùi Thị H chỉ phải trả khoản nợ này trong phạm vi giá trị di sản mà ông Lê Tuấn T3 chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác…"

2. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị H với bà Bùi Thị H1 được văn phòng C chứng thực ngày 27/10/2018 và hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Bùi Thị H1 với bà Huỳnh Thị H2 được Văn phòng công chứng Nguyễn Bá K chứng thực ngày 02/02/2021 đối với thửa đất 304 tờ bản đồ 11, diện tích 1.030m^2 và thửa đất số 305 tờ bản đồ 11, diện tích 560m^2 tọa lạc tại xã C, huyện C vô hiệu.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất trên theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Lê Thị Hoài T1, Lê Thị Bích T2, Lê Tuấn V, Lê Tuấn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, lý do toàn bộ tài sản của ông T3 các đồng thừa kế thống nhất giao cho bà H trực tiếp quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2023, bị đơn bà Bùi Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc hủy Bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho giữa bà H với bà H1, giữa bà H1 với bà H2 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng. Vụ án đã bị hủy nhiều lần nhưng vẫn chưa khắc phục được những sai sót trên; có phát sinh nhiều tình tiết mới liên quan đến quyền và lợi ích trong vụ án chưa được cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và bà Huỳnh Thị H2; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị H và bà Huỳnh Thị H2 được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của bà H2 là bà Nguyễn Thị T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX tiếp tục giải quyết kháng cáo của bà H2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Năm 2013, ông T có cho ông T3 vay 353.600.000đ, hẹn khi nào cần tiền thì ông T báo trước cho ông T3 trả nợ. Các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, không lập văn bản. Ngày 01/01/2014, ông T3 đã ký xác nhận có vay của ông T số tiền trên, hẹn trả nợ ngày 30/12/2014 nhưng sau đó ông T3 vẫn không trả và đến ngày 12/12/2015 thì ông T3 chết. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm: bà Bùi Thị H (vợ ông T3) và các con của ông T3 là: chị Lê Thị Hoài T1, chị Lê Thị Bích T2, anh Lê Tuấn V và anh Lê Tuấn Đ là con của ông T3 có nghĩa vụ trả cho ông T 353.600.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại kết luận giám định số 110/PC09 ngày 13/10/2019 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận chữ viết và chữ ký trong giấy hẹn ngày 01/10/2014 là do ông T3 ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ để xác định việc ông T3 vay tiền của ông T là có thật và cần buộc ông T3 phải có nghĩa vụ trả nợ đối với ông T.

Do ông T3 đã chết vì vậy cần buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3 phải trả nợ cho ông T trong phạm vi giá trị di sản mà ông T3 chết

để lại. Vì ông T3 chết không để lại di chúc, vợ và các con ông T3 là hàng thừa kế thứ nhất thống nhất thỏa thuận để lại toàn bộ di sản của ông T3 cho bà H quản lý, sử dụng và các QSDĐ đã được UBND huyện C chỉnh lý biến động sang tên bà Bùi Thị H ngày 19/01/2017. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã buộc bà Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả khoản nợ nói trên cho ông T trong phạm vi giá trị di sản mà ông T3 để lại là phù hợp.

Về lãi suất: Tại giấy hẹn trả nợ ngày 01/01/2014 không ghi lãi suất và không thỏa thuận về lãi suất. Quá thời hạn trả nợ ông T3 không trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả tiền lãi cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lê Bá Ngọc T:

[3.1] Biên bản xác minh ngày 13/9/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện tài sản của ông T3, bà H gồm:

- Thửa đất số 220, 254, 256 tờ bản đồ số 11 xã C; Thửa đất số 255, 304, 305 tờ bản đồ số 11 xã C; Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12 xã Cư M'gar;

- Ngày 19/01/2017, toàn bộ các thửa đất trên đã thừa kế cho bà Bùi Thị H.

- Ngày 31/01/2019, bà H đã tặng cho bà Bùi Thị H1 các thửa đất 304, 305, 125.

- Ngày 19/11/2019, bà H làm thủ tục chuyển nhượng các thửa đất 254, 220, 256, 255 cho bà Huỳnh Thị H2.

- Ngày 02/02/2021, bà H1 lập hợp đồng chuyển nhượng thửa 304, 305 cho bà H2.

Hiện nay các thửa đất số 125, 220, 254, 255, 256, 304, 305 đều mang tên bà H2. Riêng thửa 255 thì bà H2 đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1.

[3.2] Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021, ông T yêu cầu tuyên bố các giao dịch tặng cho QSDĐ giữa bà H và bà H1 và các hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà H1 với bà H2 là vô hiệu, cụ thể đối với các thửa đất số 220, 254, 255, 256, 304, 305 và đã được Tòa án thụ lý. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét tuyên bố hợp đồng tặng cho và hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu đối với hai thửa đất số 304 và thửa 305, tờ bản đồ số 11 vô hiệu mà không xem xét giải quyết các thửa đất còn lại là giải quyết không hết các yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Tòa án tuyên bố các hợp đồng dân sự trên vô hiệu nhưng không đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Bá K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng.

- Tại biên bản xác minh ngày 13/9/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cư M'gar thể hiện thửa đất số 255 tờ bản đồ số 11 hiện bà H2 đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1 nhưng cấp sơ thẩm cũng không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía Ngân hàng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 cho rằng sau khi bà nhận chuyển nhượng thì bà đã trồng cây lâu năm và cho bà Đoàn Thị Đinh Phương t tại buôn K, xã C thuê lại và bà P đã làm nhà trên đất. Nhưng tòa án không xem xét phần tài sản này và không đưa bà P vào tham gia tố tụng là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà P.

Từ những nhận định nêu trên, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục đươc. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và bà Huỳnh Thị H2; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết ở cấp sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Bùi Thị H, bà Huỳnh Thị H2 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0014410, 0014411 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'Gar.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Cư M'Gar;
- VKSND H. Cư M'Gar;
- Chi cục THADS H. Cư M'Gar;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức